

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TB

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Nga

2. Bà Trần Thị Nụ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TB.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/QĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị **Nguyễn Thị Thanh M** sinh năm 1993; Đăng ký HKTT: thôn TD, xã HB, huyện HH, tỉnh TB; Địa chỉ hiện nay: Đài Loan; Số định danh cá nhân: 034193013***.

- **Bị đơn:** anh **Phạm Văn C** sinh năm 1991; Đăng ký HKTT: thôn TD, xã HB, huyện HH, tỉnh TB; Hiện đang lao động tại Đài Loan; Số định danh cá nhân: 034091003***.

(Chị M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thanh M trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn C tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện HH, tỉnh TB ngày 04/7/2011. Sau khi kết hôn, chị và anh C chung sống hạnh phúc tại gia đình bố mẹ anh C ở thôn TD, xã HB, huyện HH.

Khoảng tháng 7/2013, anh C đi lao động tại Đài Loan, sau đó một năm chị cũng sang Đài Loan lao động nhưng không sống cùng anh C vì hai vợ chồng lao động ở hai địa phương cách xa nhau. Năm 2017, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do khác quan điểm sống, không thống nhất với nhau được nhiều vấn đề chi tiêu sinh hoạt gia đình và cách ứng xử vợ chồng. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng chị xảy ra xô xát, đỉnh điểm đến năm 2020, chị và anh C đã hoàn toàn cắt đứt mọi liên lạc. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Phạm Văn C.

Chị và anh C có 01 con chung là cháu Phạm Văn C2, sinh ngày 30/3/2012. Hiện nay, cháu C2 đang sống cùng ông bà nội là ông Phạm Văn C3, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1972 tại thôn TD, xã HB, huyện HH, cháu được chăm sóc đầy đủ và đảm bảo sự phát triển. Từ năm 2020 đến nay, chị vẫn chu cấp đầy đủ cho con. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Bị đơn anh Phạm Văn C không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh M.

- Ông Phạm Văn C3, sinh năm 1966; địa chỉ thôn TD, xã HB, huyện HH, tỉnh TB (là bố đẻ của anh C) trình bày: Hiện nay anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị Thanh M vẫn đang lao động tại Đài Loan. Ông không biết rõ địa chỉ của anh C ở Đài Loan nhưng anh C vẫn liên lạc với gia đình ông qua zalo. Sau khi nhận được thông báo thụ lý của Tòa án, gia đình ông đã thông báo cho anh C biết và anh C có ý kiến: vợ chồng anh C đã mâu thuẫn căng thẳng do chị M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, vợ chồng đã ly thân hai năm nay nên anh C cũng đồng ý ly hôn, khi ly hôn anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Văn C2, sinh ngày 30/03/2012, trong thời gian anh C đang lao động tại Đài Loan, anh C có nhờ gia đình ông chăm sóc cháu C2. Việc cấp dưỡng nuôi con là tùy chị M, anh C không yêu cầu. Anh C không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Anh C hiện nay đang ở Đài Loan, anh C có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ với chị M và đề nghị cho anh C được vắng mặt trong quá trình tố tụng của Tòa án và vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh C và chị M. Hiện nay chị M và anh C đã mâu thuẫn căng thẳng, không còn khả năng đoàn tụ vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M và anh C được ly hôn. Anh C và chị M có 01 con chung là cháu Phạm Văn C2, khi anh C và chị M đi Đài Loan thì cháu

C2 mới được hơn 01 tuổi, cháu C2 do vợ chồng ông trực tiếp nuôi dưỡng. Nay vợ chồng anh C, chị M ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Phạm Văn C2 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, gia đình ông sẽ hỗ trợ giúp đỡ anh C chăm sóc cháu C2 đảm bảo quyền lợi cho cháu trong thời gian anh C lao động ở nước ngoài. Vợ chồng anh C, chị M có nhà, có đất ở thôn TD nhưng anh C, chị M đều có nguyện vọng sau này sẽ cho con C2 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Cháu Phạm Văn C2 trình bày:* Cháu học lớp 6 trường Trung học cơ sở L. Bố mẹ cháu đang đi làm ở Đài Loan. Bố mẹ cháu vẫn thường xuyên gọi cho cháu. Hiện nay cháu đang sống cùng ông bà nội là ông Phạm Văn C3 và bà Hoàng Thị S tại nhà ông bà cháu tại thôn TD, xã HB, huyện HH, tỉnh TB. Hằng ngày ông bà nội cháu chăm sóc cháu rất tốt. Bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn sống cùng với bố, trong thời gian bố cháu ở nước ngoài cháu sẽ sống cùng với ông bà nội cháu.

- *Bà Phạm Thị T, sinh năm 1965 trú tại thôn DL, xã MK, huyện HH, tỉnh TB (mẹ đẻ của chị M) trình bày:* Chị M và anh C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện HH ngày 04/7/2011. Sau khi kết hôn, chị M về chung sống với gia đình anh C tại thôn TD, xã HB, huyện HH, tỉnh TB nhưng sau khi cưới được vài tháng thì vợ chồng chị M, anh C đã mâu thuẫn mặc dù chị M đang mang bầu nhưng vẫn bị anh C đánh đập. Lúc đó, chị M có phản nản với bà nhưng bà vẫn động viên để chị M cố gắng chịu đựng. Ngày 30/3/2012, chị M sinh con là cháu Phạm Văn C2. Tháng 7/2013, anh C đi lao động tại Đài Loan; tháng 6/2014, chị M gửi con nhờ bố mẹ anh C trông nom và sang Đài Loan lao động. Khoảng cuối tháng 11/2020, anh C có gọi điện cho bà nói là vợ chồng chị M, anh C ở bên Đài Loan vẫn thường xuyên cãi cọ nhau; còn chị M thì gọi điện thoại nói với bà là không hiểu anh C chơi bời, chỉ tiêu như thế nào mà không có tiền tích lũy đưa cho vợ nên vợ chồng có cãi nhau, anh C đã nhiều lần đánh đập chị M. Bà cũng đã sang gặp ông C3, bà S là bố mẹ anh C để bảo ông bà gọi điện thoại sang Đài Loan bảo ban anh C nhưng không biết ông C3, bà S có điện thoại cho anh C không thì bà không biết. Từ cuối năm 2020, anh C đã cắt đứt liên lạc với gia đình bà. Theo chị M cho biết, anh C và chị M đã không liên lạc với nhau từ đầu năm 2021 mặc dù cả hai vợ chồng vẫn ở Đài Loan nhưng không gặp mặt nhau. Ngày 24/5/2023, bà có đi cùng chị M sang gặp ông C3, bà S để nói chuyện về việc chị M, anh C không ở được với nhau nữa thì ông C3, bà S đều nói rằng vợ chồng chị M, anh C không ở được với nhau nữa thì ông bà cũng đành chịu. Mấy ngày sau, ông C3 có gọi điện thoại cho bà bảo bà nhắn chị M sang nhà ông lấy giấy tờ, làm thủ tục ly hôn. Bản thân bà thấy vợ chồng chị M, anh C đã mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn được nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M, anh C được ly hôn. Từ khi chị M đi lao động tại Đài Loan thì cháu C2 sống với ông bà

nội, bà có đón cháu sang chơi vào những ngày nghỉ cuối tuần. Chị M vẫn gửi tiền về cho bà mỗi tháng 3.000.000 đồng để bà mang sang đưa cho ông C3 để ông bà chi tiêu nuôi dưỡng cháu C2. Bà thấy ông C3 bà S chăm sóc cháu C2 rất tốt, chị M, anh C ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giao cháu C2 cho bố cháu trực tiếp nuôi dưỡng. Giữa bà và vợ chồng chị M, anh C không có liên quan gì về mặt tài sản, công nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Thanh M được ly hôn anh Phạm Văn C.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Văn C2 sinh ngày 30/3/2012 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: chị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh M và anh Phạm Văn C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh M và anh Phạm Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2011, được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Lời khai của chị M và lời khai ông C3 là bố đẻ anh C đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh C đã kéo dài từ nhiều năm nay. Mặc dù anh C biết rõ việc chị M xin ly hôn nhưng anh C không tìm cách hàn gắn mà còn thông qua ông C3 để bày tỏ ý

kiến đồng ý ly hôn chị M. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh C đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị M và anh C ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về con chung: chị M và anh C có 01 con chung là Phạm Văn C2 sinh ngày 30/3/2012, hiện cháu C2 đang ở cùng bố mẹ anh C, cháu C2 được chăm sóc chu đáo; anh C mặc dù làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên quan tâm đến con; nguyện vọng của cháu C2 là được ở với bố. Vì vậy, để ổn định đời sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu C2, căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu C2 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị M: chị M cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 9/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị M, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh M ly hôn anh Phạm Văn C.

2. Giao cháu Phạm Văn C2 sinh ngày 30/3/2012 cho anh Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thanh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Phạm Văn C2 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 9/2023 đến khi con C2 tròn 18 tuổi.

- Chị M, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005*** ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh TB. Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, chị M, anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh TB;
- UBND xã HB, huyện HH;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Lan Anh